

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2020/DS-ST**

Ngày: 15- 5 - 2020

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

**NHÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Nhung

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Đức Hào - bà Phan Thị Quế

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Phan Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y - tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2020/TLST - DS, ngày 05 tháng 3 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **34/2020/QĐXX - ST**, ngày 10 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số **38/2020/QĐST** ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** anh Hoàng Công N - sinh năm 1976; trú tại: xóm Thị Tứ, xã T, huyện Y, Nghệ An (có mặt);

- **Bị đơn:** anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị P - sinh năm 1986; đều trú tại: xóm T, xã C, huyện Y, tỉnh N (đều có mặt);

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Hoàng Công N trình bày:

Do có quan hệ quen biết với nhau từ trước nên vào ngày 26/12/2016 (DL) vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị P đến nhà anh hỏi vay tiền để làm ăn, vì tình cảm anh đã đồng ý cho vợ chồng anh H vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, khi vay hai bên viết giấy ghi nợ cùng ký nhận vào giấy vay. Về lãi suất hai bên tự nguyện thỏa thuận ngoài theo lãi suất ưu đãi của Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – BIDV thời điểm đó là 8,7% (Theo quyết định số 538/QĐ-BIDV-PD ngày 21/11/2016 về việc điều chỉnh lãi suất cho vay của giám đốc chi nhánh Phủ Diễn - huyện Diễn Châu - tỉnh N) và ghi trong giấy vay nợ là 3 tháng vợ chồng anh H thanh toán tiền lãi một lần cho anh N; thời hạn thanh toán số nợ là 11 tháng 20 ngày, đồng thời vợ chồng anh H cam kết nếu không trả thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng anh H đã trả cho anh số tiền là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng tiền gốc và tiền lãi thì thanh toán theo thỏa thuận

như trên. Như vậy số tiền còn lại anh H, chị P còn nợ anh là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng tiền gốc, tiền lãi thì vẫn theo thỏa thuận ban đầu; nH kể từ ngày 30/5/2017 cho đến nay vợ chồng anh H không trả cho anh tiền lãi của số tiền còn lại là 50.000.000 đồng, anh thấy dấu hiệu của việc vi phạm thỏa thuận trả nợ; nên anh đã nhiều lần đến nhà vợ chồng anh H yêu cầu trả nợ số tiền gốc còn lại và tiền lãi theo thỏa thuận nH không chịu trả và có thái độ không hợp tác. Thời hạn thanh toán nợ theo giấy ghi nợ đã quá hạn nên anh viết đơn ra tòa án yêu cầu anh H, chị P phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc là 50.000.000 đồng và số tiền lãi đã thỏa thuận tính từ ngày 30/5/2017 đến ngày anh làm đơn khởi kiện (ngày 27/02/2020) là 12.180.000 (mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng. Tổng số tiền anh H, chị P phải trả cho anh là 62.180.000 (sáu mươi hai triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng.

Đối với Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị P kể từ khi thụ lý vụ án đến nay anh H, chị P không hợp tác, không chấp hành đến Tòa án để làm việc và trình bày việc vay nợ của mình. Tòa án đã trực tiếp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh H, chị P nH anh H, chị P từ chối nhận văn bản. Tòa án đã thông qua nội dung các văn bản tố tụng và lập biên bản về việc anh H, chị P từ chối nhận tài liệu của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2020; Sổ hộ khẩu (01 bản photo công chứng); CMND (01 bản photo); Giấy viết tay vay tiền giữa anh N và vợ chồng anh H (01 bản gốc);

Nguyên đơn thống nhất với các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự Hội đồng xét xử nhận định.

***Về tố tụng:**

Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 điều 26; khoản 1 điều 35 BLTTDS thuộc thẩm quyền của Tòa án và được Tòa án xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật.

***Về nội dung:**

Xuất phát từ việc quen biết nhau sinh sống cùng xã nên anh N đã cho vợ chồng anh H, chị P vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng lãi suất thỏa thuận theo lãi suất ưu đãi của ngân hàng BIDV, mặc dù vợ chồng anh H thống nhất ký tên vào giấy vay nợ và trong quá trình nợ đã thanh toán được 50.000.000 đồng còn tiền lãi vẫn thanh toán theo thỏa thuận nH từ ngày 30/5/2017 số tiền gốc 50.000.000 đồng còn lại vợ chồng anh H không trả cũng như tiền lãi không thanh toán theo thỏa

thuận cho anh N. Nay anh N yêu cầu vợ chồng anh H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho anh.

Về các vấn đề này Hội đồng xét xử thấy.

Đối với số tiền phải thanh toán phía nguyên đơn đã cung cấp giấy vay nợ đề ngày 26/12/2016(DL) có chữ ký của các bên lãi suất thỏa thuận tuy nhiên trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa phía bị đơn không có mặt. NH ý chí và nguyện vọng của các bên đã được thống nhất tại giấy vay nợ mà nguyên đơn cung cấp có tại hồ sơ vụ án nên đây là sự thỏa thuận tự nguyện không ép buộc từ đó cho thấy giao dịch này là hoàn toàn hợp pháp thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của hai bên nên không trái đạo đức, không trái pháp luật vì vậy hoàn toàn có cơ sở để buộc vợ chồng anh H phải thanh toán số 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và 12.180.000 đồng tiền lãi suất theo thỏa thuận là có căn cứ cần chấp nhận.

***Về án phí:** Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phía bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 điều 26; khoản 1 điều 35; điều 144; khoản 1 điều 147, điều 227; điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 điều 463; điều 466, điều 468, điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 20 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Công N.

Buộc anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hoàng Công N số tiền nợ gốc là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và tiền lãi 12.180.000(mười hai triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng. Tổng số tiền phải trả là 62.180.000(sáu mươi hai triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

***Về án phí:** Buộc anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị P phải nộp đồng 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn anh Hoàng Công N đã nộp là 1.250.000 (một triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng tại biên lai thu tiền số 0000344, ngày 05/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh N.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi:

- VKS H. Yên Thành
- Các bên DS
- THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND xã Tân Thành
- Lưu hs; VP

Lê Thị Nhung